

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM – ST

Ngày: 28/4/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng
2. Bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2019/TLST-KDTM 26 tháng 8 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 02/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Xây Dựng A.

Địa chỉ: ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị L, sinh năm: 1981; Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Phan Văn M, sinh năm: 1979.

HKTT: 267/6/5, tổ 6, khu phố 3, D, Phường T, Quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Lê Hồng S, sinh năm: 1993

Địa chỉ: số nhà 50 đường H, Phường A, Tp. H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

(văn bản ủy quyền ngày 09/3/2021)

- Bị đơn: Công ty TNHH B.

Địa chỉ: 340, tổ 12, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1979; Chức vụ: Giám đốc.
Địa chỉ liên lạc: tổ 15, khu phố N, P. S, Tp. L, tỉnh Đồng Nai.
Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Tống Nguyên H, sinh năm: 1985.
HKTT: 174/1G1 D, Phường 5, Quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

(văn bản ủy quyền ngày 15/3/2021)

* Người làm chứng: ông Lê Hữu Ch, sinh năm: 1964
Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung các ngày 01/11/2017, ngày 01/12/2017 các lời khai bổ sung của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay (do anh Phan Văn M và anh Lê Hồng S) trình bày:*

Vào ngày 27/3/2015 giữa Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty B, do ông Nguyễn Văn K làm giám đốc) với Công ty TNHH A (gọi tắt là Công ty A, do bà Phan Thị L làm giám đốc ký kết hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD để thi công một số hạng mục chợ Bảo Bình (gồm khối ki ốt 1, 2; khối vệ sinh, rác thải và đài nước), giá trị hợp đồng là 2.100.625.000 đồng.

Do Công ty Đức Tín và Công ty TNHH MTV TM – XD C (gọi tắt là Công ty C do ông Lê Hữu Ch, làm giám đốc) có thỏa thuận miệng với nhau sẽ hợp tác: Công ty A cung cấp vật liệu, còn Công ty C chịu trách nhiệm thi công và Công ty B cũng biết thỏa thuận đó. Đồng thời Công ty B thống nhất ký lại hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD để thi công một số hạng mục chợ Bảo Bình với Công ty A để thi công cho ngắn gọn. Do tin tưởng làm ăn với nhau nên Công ty A và Công ty C không lập văn bản thể hiện sự thỏa thuận giữa các bên mà chỉ thỏa thuận bằng miệng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng thì Công ty B hứa sẽ tạm ứng trước hợp đồng 20% cho Công ty A và thanh toán 15% khi hoàn thiện phần móng. Nhưng khi tới phần móng cột hoàn thành thì ông Khương không chịu thanh toán đúng hợp đồng. Đến khi xây lên hết phần tường thì Công ty B tạm ứng cho Công ty A 200 triệu, bằng hình thức chuyển vào tài khoản cho ông Ch (Công ty C), rồi ông Ch chuyển cho Công Ty A 100 triệu.

Tháng 8 năm 2015 Công ty A xây gần hoàn thiện phần tường thì Công ty B không thanh toán tiền đúng theo hợp đồng, ông Ch kéo dài công trình ra nên các bên xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, ba bên gồm Công ty A, Công ty C và Công ty B thống nhất Công ty A ngưng không bỏ vốn đồ vật tư nữa và phải thanh toán cho Công ty A 40 triệu đồng, thì ông Kh đại diện Công ty B sẽ trả bằng tiền mặt cho Công ty A. Còn tiền vật liệu mà Công ty A bỏ ra thì ông Ch (đại diện Công Ty C) sẽ thanh toán cho Công ty A là 90.384.000 đồng và 10 triệu đồng ông Chương đã mượn Công ty A để thanh toán lương cho công nhân vào thời điểm tháng 5 năm 2015. Tại phiên

tòa hôm nay đại diện nguyên đơn xác định lại do nhầm lẫn nên trong đơn khởi kiện và các lời khai bổ sung trong quá trình làm việc nguyên đơn đã trình bày ” *còn tiền vật liệu mà Công ty A bỏ ra thì ông Ch (đại diện Công ty C) sẽ thanh toán cho Công ty A là 90.384.000 đồng*”.

Công ty A rút lui không cộng tác nữa. Còn Công ty B và Công ty C vẫn thi công tiếp. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thì giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn. Khi Công ty A đến lấy tiền còn nợ thì ông Ch không trả mà đổ thừa qua cho Công ty B. Khi tìm đến Công ty B thì ông Khương hứa sẽ tự giữ lại khoản tiền ông Ch còn thiếu để chuyển cho Công ty A. Tuy nhiên Công ty A vẫn chưa nhận được khoản tiền này.

Vì vậy, theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2017, ngày 01/12/2017 thì Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B phải thanh toán Công ty A số tiền còn thiếu là 100.384.000 đồng và thanh lý hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD năm 2015. Tuy nhiên tại buổi làm việc ngày 31 tháng 7 năm 2020 và tại phiên tòa hôm nay thì Công ty A trình bày và xác định rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện thanh toán số tiền 100.384.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu này.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 22 tháng 9 năm 2020 Công ty A xác định khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty A tổng số tiền 266.000.000 đồng (tiền thanh lý hợp đồng xây dựng), trong đó gồm 190.384.000 đồng tiền vật tư xây dựng mà Công ty A đã mua và sử dụng cho việc xây dựng các hạng mục chợ Bảo Bình và 75.616.000 đồng tiền thuê nhân công cho Công ty A. Nguyên đơn xác định không yêu cầu Công ty C (do ông Ch làm đại diện) phải thanh toán số tiền trên và đề nghị không đưa Công ty C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Công ty A rút một phần yêu cầu khởi theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/9/2020, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn Công ty B thanh toán tổng số tiền 90.384.000 đồng.

** Tại các bản tường trình, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Công ty B (do anh Tống Nguyên H đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

Do là chỗ anh em làm ăn chung với nhau nên giữa 3 bên gồm: Công ty A, Công ty B và Công ty C thỏa thuận. Vào ngày 27/3/2015 giữa Công ty B (do ông Nguyễn Văn Kh làm giám đốc) với Công ty A (do bà Phan Thị L là vợ ông Phan Văn M làm giám đốc ký kết hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD để thi công một số hạng mục chợ Bảo Bình (gồm khối ki ốt 1, 2; khối vệ sinh, rác thải và đài nước), giá trị hợp đồng là 2.100.625.000 đồng.

Giữa Công ty A và Công ty C hợp tác làm ăn nên cử Công ty A ký hợp đồng xây dựng trên với Công ty B. Do đã hợp tác làm ăn chung với nhau nên quá trình thỏa thuận chỉ nói miệng mà không lập thành văn bản. Sau khi ký hợp đồng xây dựng trên thì sau đó vài ngày ba bên ngồi lại với nhau thống nhất hủy hợp đồng xây

dựng số 02/HĐ – XD ngày 27/3/2015 giữa Công ty B và Công ty A, để Công ty B ký lại hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD ngày 31/3/2015 với Công ty C do ông Ch làm đại diện, do tin tưởng nhau nên các bên không làm văn bản hủy hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD ngày 27/3/2015 giữa Công ty B và Công ty A mà chỉ nói miệng.

Giữa Công ty A và Công ty C làm ăn chung với nhau nên Công ty B không quan trọng vật liệu do Công ty A hay Công Ty C cung cấp để thi công chợ Bảo Bình. Khi thi công xong thì Công ty B thanh toán cho Công ty C, vì ba bên đã thỏa thuận miệng sẽ hủy hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD ngày 27/3/2015 giữa Công ty Kim Hoàng Nguyên và Công ty A, để Công ty B ký kết hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD ngày 31/3/2015 với Công ty C.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty A về việc buộc Công ty B thanh toán số tiền 90.384.000 đồng thì Công ty B không đồng ý. Bởi vì, Công ty B đã hủy hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD ngày 27/3/2015 với Công ty A. Việc thi công chợ Bảo Bình do Công ty C và Công ty B ký kết với nhau và đã quyết toán xong theo hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD ngày 31/3/2015. Mặt khác thì ông Ch (đại diện Công ty C) cũng đã giao cho Công ty A 100 triệu đồng tiền mặt trong việc làm ăn xây dựng chợ Bảo Bình. Nên Công ty C tự thanh toán với Công ty A, Công ty C không có có ý kiến.

** Theo hồ sơ thể hiện người làm chứng ông Lê Hữu Chương trình bày:*

Ông và ông M (đại diện Công ty A) và ông Kh (đại diện Công ty B) là anh em quen biết, làm ăn chung với nhau. Vào ngày 27/3/2015 giữa Công ty A và Công ty B có ký kết hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD năm 2015 để thi công một số hạng mục Công trình chợ Bảo Bình. Sau đó các bên có thỏa thuận miệng với nhau hủy hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD năm 2015 ngày 27/3/2015 giữa Công ty A và Công ty B, để Công ty C (do ông làm đại diện) và Công ty B ký kết hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD năm 2015 ngày 31/3/2015 để thay thế cho hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD được ký kết lúc đầu giữa Công ty B với Công ty A năm 2015 để thi công một số hạng mục Công trình chợ Bảo Bình.

Khi ký kết hợp đồng số: 02/2015 ngày 31/3/2015 giữa Công ty C với Công ty B thì cả 3 bên đều có mặt. Giữa Công ty C và Công ty A làm ăn chung với nhau, khi xây dựng Công trình chợ Bảo Bình thì Công ty C cũng lấy vật liệu xây dựng từ Công ty A và đã thanh toán xong cho Công ty A.

Khi xây dựng xong phần thô các hạng mục Công trình chợ Bảo Bình do liên quan đến nhiều vấn đề nên giữa Công ty C và Công ty B đã quyết toán xong với nhau. Phần còn lại của Công trình chợ Bảo Bình thì Công ty B tự thi công.

** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ:*

+ Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Tòa án xác định tư cách tố tụng của các đương sự tham gia trong vụ án là đúng; thời hạn gửi hồ sơ và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tòa án còn có thiếu sót chưa tiến hành thu thập lời khai của anh Nguyễn Xuân D và anh Nguyễn Văn N để làm rõ có việc Công ty Kim Hoàng Nguyên nhận vật liệu xây dựng từ Công ty A hay không.

Tuy nhiên vụ án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị khắc phục vi phạm này.

+ Về nội dung: Do Tòa án chưa thu thập đầy đủ chứng cứ nên chưa có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, để có cơ sở giải quyết vụ án đề nghị Tòa án Tạm ngừng phiên tòa để thu thập lời khai của anh Nguyễn Xuân D và anh Nguyễn Văn N theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa và sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền xét xử:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán số tiền 90.384.000 đồng theo hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD ngày 27/3/2015. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ giao kết hợp đồng giữa hai pháp nhân. Bị đơn Công ty B có trụ sở chính tại số 340, tổ 12, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp mã số 360087953. Do đó quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là " Tranh chấp hợp đồng xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của BLTTDS và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty A số tiền là 100.384.000 đồng theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/11/2017, ngày 01/12/2017. Do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện này nên Hội đồng xét xử Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

- Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 22 tháng 9 năm 2020 và tại phiên tòa hôm nay Công ty A yêu cầu Tòa án buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty A tổng số tiền 90.384.000 đồng, thì Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Theo các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được thì thấy: cả nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều xác định, vào ngày

27/3/2015 giữa Công ty B với Công ty A có ký kết hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD để thi công một số hạng mục chợ Bảo Bình. Sau đó hai bên thỏa thuận miệng với nhau là hủy hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD được ký kết giữa Công ty B và Công ty A. Để Công ty B ký kết lại hợp đồng xây dựng số 02/HĐ - XD với Công ty C để thi công Công trình chợ Bảo Bình vào ngày 31/3/2015 với các hạng mục như trước đó đã ký với Công Ty A.

Mặc dù việc thống nhất hủy hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD giữa Công ty B và Công ty A chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản. Nhưng qua lời khai của nguyên đơn thì thấy giữa Công ty A và Công ty C của ông Lê Hữu Ch, có thỏa thuận miệng với nhau sẽ hợp tác làm ăn: Công ty A cung cấp vật liệu, còn Công ty C chịu trách nhiệm thi công và Công ty B cũng biết thỏa thuận đó. Đồng thời Công ty B thống nhất ký lại hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD để thi công một số hạng mục chợ Bảo Bình với Công ty C để thi công chợ Bảo Bình và trong quá trình thực hiện thì Công ty C đã chuyển cho Công ty A 100.000.000 đồng.

Còn lời khai của bị đơn thì khẳng định giữa Công ty A và Công ty C làm ăn chung với nhau nên Công ty B không quan trọng vật liệu do Công ty C hay Công ty C cung cấp để thi công chợ Bảo Bình. Khi thi công xong thì Công ty B thanh toán cho Công ty C. Điều này thể hiện trong ý chí của nguyên đơn và bị đơn đã xác định hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD ngày 27/3/2015 được ký kết giữa hai bên đã thỏa thuận hủy thì nguyên đơn Công ty A mới nhận số tiền 100.000.000 đồng từ Công ty Lộc Tiến và ngược lại Công ty B mới thanh quyết toán tiền thi công chợ Bảo Bình cho Công ty C theo các tài liệu, chứng cứ Công ty B đã giao nộp như đề nghị thanh toán ngày 19/6/2016; biên bản nghiệm thu công trình ngày 20/4/2016; biên bản xác nhận khối lượng ngày 20/4/2016; biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/6/2016 giữa Công ty B và Công ty C.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn cho rằng do nhầm lẫn nên trong đơn khởi kiện ban đầu và các lời khai bổ sung trong quá trình làm việc nguyên đơn đã trình bày” *còn tiền vật liệu mà Công ty A bỏ ra thì ông Ch (đại diện Công ty C) sẽ thanh toán cho Công ty A là 90.384.000 đồng*” và đến khi làm việc tại Tòa án thì Công ty A mới biết giữa Công ty B và Công ty C ký kết với nhau hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD ngày 31/3/2015 để thi công các hạng mục công trình chợ Bảo Bình. Lời khai của nguyên đơn có sự bất nhất, bởi vì đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty A là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự, ngay trong đơn khởi kiện ban đầu đã thể hiện rõ Công ty A biết rõ việc Công ty B và Công ty C ký lại hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD ngày 31/3/2015 để thi công các hạng mục công trình chợ Bảo Bình nên phải chịu trách nhiệm về lời khai của mình. Nếu không thì lý do vì sao Công ty A lại nhận 100 triệu

đồng do ông Ch (Công ty C) chuyển mà lại không phải do Công ty B chuyển khoản trực tiếp cho Công ty A.

Đồng thời tại công văn số 19/UBND ngày 04/02/2021 của UBND xã B cho biết thì việc Công ty B có ký kết hợp đồng với Công ty A theo hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD ngày 27/3/2015 và việc Công ty A cung cấp vật liệu xây dựng để thi công chợ Bảo Bình hay không thì UBND xã B không biết và không có tài liệu, chứng cứ nào liên quan.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A về việc buộc Công ty B phải thanh toán số tiền 90.384.000 đồng.

[6] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí phải nộp là: 90.384.000 đồng x 5% = 4.519.000 đồng.

** Các ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C:*

Đối với đề nghị Tạm ngừng phiên tòa để thu thập lời khai của anh Nguyễn Xuân D và anh Nguyễn Văn N để làm cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử không chấp nhận, bởi vì trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều xác định không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D và anh N nên Tòa án không có cơ sở để thu thập lời khai của anh Nguyễn Xuân D và anh Nguyễn Văn N.

Các ý kiến khác của Viện Kiểm Sát về vi phạm cần khắc phục là đúng theo quy định của pháp luật nên ghi nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 30, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 123 124 của Luật xây dựng năm 2014;

Căn cứ các điều 429, của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xây Dựng A về việc buộc Công ty TNHH B thanh toán số tiền 100.384.000 đồng.

2/ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xây Dựng A về việc yêu cầu Công ty TNHH B phải thanh toán số tiền 90.384.000 đồng (*chín mươi triệu ba trăm tám mươi tư ngàn*) đồng theo hợp đồng xây dựng số 02/HĐ – XD ngày 27/3/2015.

3/ Về án phí:

- Buộc Công ty TNHH Xây Dựng A phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 4.519.000 đồng (*bốn triệu năm trăm mười chín ngàn*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.509.600 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 008210 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã L, tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố L) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.650.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002087 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả lại cho Công Ty TNHH Xây Dựng A số tiền 4.640.600 đồng (làm tròn 4.641.000 đồng "*bốn triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn*").

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H. C.
- Thi hành án dân sự H. C.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn.
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(*đã ký và đóng dấu*)

Lê Thị Khuyên